

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.; Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2025/TLST - KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Địa chỉ: Tháp B, phường H, TP Hà Nội.

- Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh – Chức vụ: Giám đốc. Người được ủy quyền: Bà Phan Thị Thu H – chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng 3. Người được uỷ quyền lại: Ông Lê Thanh O – Chức vụ: Cán bộ tín dụng. Địa chỉ: Số 189 đường H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH N. Địa chỉ của công ty: Số 19 Lt, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Đại diện theo pháp luật hiện nay: Ông Nguyễn Trọng H – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Tổ dân phố 6 B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo uỷ quyền là: Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 11 Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Công ty TNHH Đầu tư S. Địa chỉ của công ty: Số 19 Lt, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ – Chức vụ: Chủ tịch Hội

đồng thành viên kiêm Giám đốc. Địa chỉ: Tổ dân phố 11 Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Công ty TNHH Đầu tư và quản lý tài sản S. Địa chỉ của công ty: Số 19 L t, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình H – Chức vụ: Giám đốc. Thường trú: xã T, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện theo uỷ quyền là: Ông Nguyễn Quang , sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 11 Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 01 Q, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Lê Thị Vân A ; sinh năm 1990; Địa chỉ: số 01, phường Đ, tỉnh Quảng Trị

Đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị Vân A là: Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 11 Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về tiền nợ gốc và nợ lãi:

Các bên đương sự thống nhất thoả thuận: Tính đến ngày 01/12/2025, tổng dư nợ gốc và lãi phải trả của các hợp đồng tín dụng (gồm: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/7128238/HĐTD ngày 22/02/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 11/2022/7128238/HĐTD ngày 08/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 12/2022/7128238/HĐTD ngày 09/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 13/2022/7128238/HĐTD ngày 12/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 14/2022/7128238/HĐTD ngày 13/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 15/2022/7128238/HĐTD ngày 19/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 16/2022/7128238/HĐTD ngày 30/11/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 17/2022/7128238/HĐTD ngày 16/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 18/2022/7128238/HĐTD ngày 23/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 19/2022/7128238/HĐTD ngày 27/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 20/2022/7128238/HĐTD ngày 04/01/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 21/2022/7128238/HĐTD ngày 05/01/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 22/2022/7128238/HĐTD ngày 19/01/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 23/2022/7128238/HĐTD ngày 15/02/2023) mà công ty công ty TNHH N còn nợ và phải trả cho Ngân hàng TMCP B tính đến ngày 01/12/2025 là: 18.570.207.967 đồng (trong đó: Dư nợ gốc: 10.130.000.000 đồng; lãi trong hạn: 7.138.318.774 đồng; lãi quá hạn: 858.172.121 đồng; lãi chậm trả: 443.717.072 đồng).

❖ Các bên đã thống nhất phương án và thời gian công ty TNHH N trả nợ cho Ngân hàng TMCP B, như sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 31/12/2025 bị đơn sẽ thanh toán cho Ngân hàng B toàn bộ tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 01/12/2025: 18.570.207.967 đồng (trong đó: Dư nợ gốc: 10.130.000.000 đồng; lãi trong hạn: 7.138.318.774 đồng; lãi quá hạn: 858.172.121 đồng; lãi chậm trả: 443.717.072 đồng).

Ngoài ra, đại diện Ngân hàng B và Công ty TNHH N đồng ý Công ty TNHH N còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín

dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng B tính kể từ ngày 02/12/2025 đến ngày thực tế trả hết nợ.

❖ Về xử lý tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay đến hạn trả nợ gốc, trả nợ mà công ty TNHH N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng:

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Trường hợp Bị đơn vi phạm không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đối với một trong các lộ trình trả nợ như đã cam kết thỏa thuận nêu trên thì công ty TNHH N đồng ý để Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Tài sản bảo đảm/biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 648, tờ bản đồ: 12, địa chỉ thửa đất: thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 040154, vào sổ cấp GCN số CS 02001 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 30/01/2019 (Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Ninh chỉnh lý biên động ngày 30/03/2021 theo hồ sơ 002085.CN.709 mang tên Nguyễn Quang Đ và Lê Thị Vân A). Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/7128238/HĐBĐ ngày 09/04/2021.

+ Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA YARIS, biển số đăng ký: 73A - 111.47 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 016947 cấp ngày 10/10/2018; Tên chủ xe: Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý tài sản S; Tài sản được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2018/7128238/HĐBĐ ngày 22/10/2018.

+ Xe ô tô con nhãn hiệu: FORD EXPLORER, biển số đăng ký: 73A - 143.24 theo Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028270 cấp ngày 20/09/2019. Tên chủ xe: Công ty TNHH Đầu tư S; Tài sản được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 05/2019/7128238/HĐBĐ ngày 26/09/2019.

+ Xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu FORD, biển số đăng ký: 73C - 095.88 theo Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019073 cấp ngày 24/12/2018. Tên chủ xe: Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý tài sản S; Tài sản được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2020/7128238/HĐBĐ ngày 11/02/2020.

+ Xe đầu kéo HYUNDAI, biển số: 73C - 039.19 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 024001 cấp ngày 04/05/2019. Tên chủ xe: Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý tài sản S; Tài sản được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2020/7128238/HĐBĐ ngày 11/02/2020.

+ Sơ mi rơ moóc tải hiệu CIMC, biển số: 73R - 001.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơ mi Rơ Moóc số 000774 cấp ngày 04/05/2019. Tên chủ xe: Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý tài sản S; Tài sản được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2020/7128238/HĐBĐ ngày 11/02/2020.

Các Hợp đồng thế chấp giữa ông Nguyễn Quang Đ và bà Lê Thị Vân A; Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý tài sản S; Công ty TNHH Đầu tư S với B đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Trường hợp sau khi xử lý hết tài Sản Bảo Đảm nêu trên mà vẫn không thu đủ nợ cho Ngân hàng thì công ty TNHH N và ông Nguyễn Quang Đ đồng ý tiếp tục trả nợ và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng

chế, kê biên phát mại các tài sản khác của công ty TNHH Nam P và ông Nguyễn Quang Đ để thu hồi toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng.

- Các bên đương sự thống nhất nhất trí nội dung đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2022/7128238/HĐBĐ ngày 28/6/2022 tại Thửa đất số thửa đất số 96, tờ bản đồ 17, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số phát hành: DC 807916, sổ vào sổ CS 05307 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 01/10/2021, mang tên Nguyễn Quang Đ – Bà Lê Thị Vân A; Địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố 11, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là: phường Đ, tỉnh Quảng Trị).

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Bị đơn là công ty TNHH N phải chịu nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 63.285.104 đồng (làm tròn thành 63.285.000) (*Bằng chữ: Sau mười ba triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn*).

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí là: 144.206.062 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ sáu nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng*) đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000338 ngày 30 tháng 9 năm 2025.

2.3. Về tiền chi phí thẩm định tài sản tại chỗ:

Ghi nhận ý kiến thống nhất thỏa thuận của các đương sự về việc: Bị đơn chịu số tiền chi phí thẩm định tài sản là 4.300.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn*).

Do Ngân hàng B đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi đủ toàn bộ số tiền chi phí thẩm định nêu trên. Nên các đương sự thống nhất bị đơn phải có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho B số tiền chi phí tố tụng cho việc thẩm định tài sản là 4.300.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu ba trăm nghìn đồng chẵn*).

Trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đang có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1, tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Phú Quảng